

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 27/2024/CBSP-NUTRI

SỐ TNDKSP: 068/2024/ĐKSP

**THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC
LEANMAX BONE**

Năm 2024

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 068/2024/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Thực phẩm dinh dưỡng y học Leanmax Bone**

do CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 27/2024/TCSP-NUTRI

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Vinh Thanh

Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm
Email: bqatltp@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 10-09-2024 16:33:16 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 27/2024/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, số 8, khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/ Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dinh dưỡng y học Leanmax Bone

2. Thành phần:

Bột sữa gầy, Maltodextrin, Sucrose, Bột kem thực vật (Chứa MUFA, PUFA), Đạm sữa cô đặc, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Kali iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Glucosamin sulfat, Đạm đậu nành tinh chế, N-acetyl glucosamin, Lactase (40 mg/100 g), Collagen type II, Vitamin K2 (MK7), Canxi carbonat nano, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 40 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 27/2024/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES **

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100 g	Trong 1 ly phần uống (210 ml) Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	373	149
Chất đạm/Protein	g	20,2	8,08
Đạm whey/ Whey protein	g	3,60	1,44
Lysin/Lysine	mg	1500	600
Leucine/Leucine	mg	1600	640
Isoleucine/Isoleucine	mg	900	360
Valin/Valine	mg	1050	420
Arginine/Arginine	mg	450	260
Histidine/Histidine	mg	450	180
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	750	300
Tyrosin/Tyrosine	mg	560	260
Threonin/Threonine	mg	750	300
Methionin/Methionine	mg	420	168
Pyrothophan/Tryptophan	mg	240	96,0
Cystin/Lysine	mg	200	80,0
Asit glutamic/Glutamic acid	mg	3500	1400
Asit aspartic/Aspartic acid	mg	1300	520
Glycin/Glycine	mg	300	128
Alanin/Alanine	mg	550	220
Prolin/Proline	mg	1600	640
Serin/Serine	mg	950	380
Chất béo/Lipid	g	4,60	1,84
Carbohydrat/Carbohydrate	g	61,1	24,4
Đường tổng số/Total sugars	g	29,6	11,8
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	4,00	1,60
Prebiotics (FOS/Inulin)	mg	19,2	7,68
Glucosamin/Glucosamine	mg	601	240
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1423	569
Vitamin D3	IU	456	182
Vitamin E	IU	16,0	6,40
Vitamin K1	µg	23,5	9,40
Vitamin K2	µg	16,7	6,68
Vitamin C	mg	87,9	35,2
Vitamin B1	µg	1031	412
Vitamin B2	µg	793	317
Niacin	µg	9640	3856
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	4338	1735
Vitamin B6	µg	1496	598
Asit folic/folic acid	µg	102	40,8
Vitamin B12	µg	6,11	2,44
Biotin	µg	28,0	11,2
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	300	120
Kali/Potassium	mg	633	253
Clor/Chloride	mg	823	329
Canxi/Calcium	mg	1247	499
Phốt pho/Phosphorus	mg	560	224
Magxi/Magnesium	mg	79,8	31,9
Sắt/Iron	mg	5,04	2,02
Kẽm/Zinc	mg	10,2	4,09
Mangan/Manganese	µg	1282	513
Đồng/Copper	µg	223	89,2
I-đốt/Iodine	µg	61,6	24,6
Selen/Selenium	µg	28,5	11,4
Chrom/Chromium	µg	28,7	11,5
Molyden/Molybdenum	µg	40,6	16,2

(**) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Bột sữa gầy, Maltodextrin, Sucrose, Bột kem thực vật (Chứa MUFA, PUFA), Đạm sữa có đặc, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydrochlorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricaxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Kali iđid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Glucosamin sulfat, Đạm đậu nành tinh chế, N-acetyl glucosamin, Lactase (40 mg/100 g), Collagen type II, Vitamin K2 (MK7), Canxi carbonat nano. Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Sữa, Đạm đậu nành.

Skin milk powder, Maltodextrin, Sucrose, Vegetable cream powder (Contains MUFA, PUFA), Milk protein concentrate, Prebiotics (FOS/Inulin), Premix of Vitamins and Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Potassium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Glucosamine sulfate, Soy protein, N-acetyl glucosamine, Lactase (40 mg/100 g), Collagen type II, Vitamin K2 (MK7), Nano Calcium carbonate, Synthetic flavor. Product contains Milk, Soy protein.

CÔNG DỤNG/FEATURE

Leanmax Bone là sản phẩm dinh dưỡng y học bổ sung các dưỡng chất cần thiết giúp cải thiện chức năng xương khớp, hỗ trợ phục hồi cho người mắc các bệnh về xương khớp / **Leanmax Bone** is a medical nutritional supplement that provides essential nutrients to help improve bone and joint function, and supports recovery for individuals with bone and joint-related conditions.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR

Dành cho người lớn và trẻ em từ 6 tuổi. Đặc biệt phù hợp cho người phẫu thuật xương khớp, người có nguy cơ gãy hoặc bị loãng xương, người cần cải thiện chức năng xương khớp, người bắt dùng nạp đường Lactose.

Suitable for adults and children aged 6 and above. It is especially beneficial for individuals undergoing bone and joint surgery, those at risk of or suffering from osteoporosis, those needing to improve bone and joint function, and individuals with lactose intolerance.

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. / Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế. Không dùng qua đường tĩnh mạch.

Có thể dùng nuôi ăn qua sonde theo hướng dẫn của bác sĩ chuyên gia y tế.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

Hàm lượng Đạm thực vật 0,51 g/100 g.



NUTRICARE



MMNi - USA

Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

Leanmax

DINH DƯỠNG Y HỌC
HỒI PHỤC XƯƠNG KHỚP

Bone



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Mạnh



- + CANXI NANO, VITAMIN K2, D3 tăng mật độ xương, hỗ trợ nhanh liên xương
- + GLUCOSAMINE & COLLAGEN hỗ trợ chức năng xương khớp
- + GIÀU PROTEIN giúp tăng tổng hợp khối cơ

ÍT NGỌT
Khối lượng tịnh 400 g

THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC
Nguyên liệu chính từ Hoa Kỳ

THỰC PHẨM DINH DƯỠNG Y HỌC LEANMAX BONE

- HỖ TRỢ ĐÁY NHANH QUÁ TRÌNH LIÊN XƯƠNG*
- HỖ TRỢ GIẢM TÍNH TRẠNG NIÊM TRÙNG CHẨN THƯƠNG*
- CẢI THIỆN TIÊU HÓA*
- CẢI THIỆN KHẢ NĂNG VẬN ĐỘNG*

HỖ TRỢ NHANH LÀNH XƯƠNG, CẢI THIỆN VẬN ĐỘNG

Bổ ba Canxi Nano, Vitamin D3, Vitamin K2 tăng hấp thu Canxi, cùng Phốt pho và Magiê giúp xương chắc khỏe, giúp người (cải thiện vận động(*)).

TĂNG TỔNG HỢP KHỐI CƠ

Hệ Đạm thực vật, Đạm whey dễ hấp thu, cung cấp hàm lượng Protein cao, giúp cải thiện tình trạng dinh dưỡng, tăng tổng hợp khối cơ.



HỖ TRỢ CHỨC NĂNG XƯƠNG KHỚP

Bổ đôi Glucosamine & Collagen type II giúp tăng khả năng bôi trơn sụn khớp, hỗ trợ chức năng xương khớp.

TIÊU HÓA TỐT, TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Bổ sung Enzyme Lactase giúp giảm triệu chứng đầy bụng, tiêu chảy do bắt dùng nạp Lactose. Chất xơ (FOS/Inulin) hỗ trợ tiêu hóa, giảm táo bón. Đặc biệt, Antioxidants (Vitamin A, C và Selen) giúp tăng cường miễn dịch, hỗ trợ giảm tình trạng nhiễm trùng chấn thương.

(*) So với nhóm chứng, sau 2 tháng can thiệp ở bệnh nhân gãy xương.



Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
Wash your hands with soap and water.



Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. / All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.



Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50°C. / Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50°C).



Cho 180 ml nước ấm vào cốc/ình rồi cho 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột). / Pour 180 ml of water into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder).



Khấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. / Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.



Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 3 giờ. / Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

Trẻ từ 6 – 8 tuổi dùng 2 ly/ngày. / Children from 6 – 8 years of age: Use 2 servings per day.

Trẻ trên 8 tuổi và người lớn dùng 2 – 3 ly/ngày. / Children over 8 years of age and adults: Use 2 – 3 servings per day.

Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia y tế. / Or follow doctor/dietitian's instructions.

THƯƠNG NHÃN CHU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.6683.3368.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VIL2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018.

Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

NSX và HSD: Xem trên bao bì. SỐ TĐNKSP:

